

MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ VĂN HÓA TRONG PHÁT TRIỂN Ở VÙNG BIÊN GIỚI ĐẤT LIỀN VIỆT NAM¹

TS. Trần Hồng Thu
Viện Dân tộc học
Email: tranhongthu74@yahoo.com

Tóm tắt: Bài viết tổng hợp, phân tích và đánh giá một số vấn đề đặt ra về văn hóa trong phát triển ở vùng biên giới đất liền Việt Nam. Đó là sự biến đổi và mai một văn hóa tộc người, sự cản trở của văn hóa đối với phát triển kinh tế, sự gia tăng tệ nạn và bất ổn xã hội. Trên cơ sở những phân tích này, bài viết đề xuất một số khuyến nghị nhằm bảo tồn, phát triển và sử dụng văn hóa như là một nguồn lực để phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ an ninh chính trị vùng biên giới nước ta.

Từ khóa: Văn hóa, phát triển, vùng biên giới đất liền Việt Nam.

Abstract: The article summarises, analyses, and evaluates several cultural issues in the development of Vietnam's mainland border regions. These encompass the transformation and fading of ethnic cultures, the obstruction posed by culture to economic development, and the rise in social vices and instability. Based on these analyses, the article proposes several recommendations to preserve, develop, and utilise culture as a resource for socioeconomic development and the protection of political security in Vietnam's border regions.

Keywords: Culture, development, Vietnam's mainland border areas.

Ngày nhận bài: 5/3/2025; ngày gửi phản biện: 12/3/2025; ngày duyệt đăng: 25/3/2025.

Mở đầu

Văn hóa được Đảng và Nhà nước ta xác định là một trong các trục phát triển bền vững, là “sức mạnh nội sinh, động lực phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc”². Văn hóa đóng vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh, chính trị vùng biên giới Việt Nam. Một mặt, văn hóa được xem là nguồn vốn trong phát triển kinh tế, góp phần cố kết

¹ Bài viết này là sản phẩm của Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ: “Văn hóa của các cộng đồng cư dân vùng biên giới đất liền Việt Nam hiện nay trong phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh, chính trị”, thuộc Chương trình trọng điểm cấp Bộ: “Nghiên cứu tổng thể vùng biên giới đất liền ở Việt Nam góp phần phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh, chính trị trong điều kiện hiện nay” do Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam chủ trì.

² Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, đăng tải tại địa chỉ <https://baochinhphu.vn/toan-van-nghi-quyet-dai-hoi-dai-bieu-toan-quoc-lan-thu-xiii-cua-dang-102288263.htm>.

cộng đồng, ổn định xã hội. Mặt khác, văn hóa có thể tác động tiêu cực đến phát triển kinh tế và ảnh hưởng nghiêm trọng đến an ninh, quốc phòng như làm phân hóa cộng đồng, tiếp tay cho tệ nạn xã hội, gây trì trệ cho quá trình phát triển hoặc bị các thế lực thù địch lợi dụng để chống phá an ninh, chính trị của đất nước (Vương Xuân Tình chủ biên, 2014).

Vùng biên giới đất liền của Việt Nam được xác định theo Nghị định số 34/2014/NĐ-CP về Quy chế khu vực biên giới đất liền nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ngày 29/4/2014, bao gồm 103 huyện, thị xã, thành phố ở 25 tỉnh trải dài từ Bắc đến Nam, giáp với ba quốc gia là Trung Quốc, Lào và Campuchia. Địa bàn biên giới này có những đặc điểm riêng về vị trí địa lý, địa hình, dân cư, kinh tế - xã hội, có vai trò quan trọng trong việc phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh quốc phòng của Việt Nam. Cộng đồng cư dân sinh sống tại các vùng biên đa dạng về thành phần tộc người, phần lớn là các tộc người thiểu số. Do đa dạng về thành phần tộc người, cộng đồng cư dân nơi đây cũng có sự đa dạng về văn hóa, được hình thành và phát triển dựa trên những hiểu biết, ứng xử của họ đối với điều kiện tự nhiên tại các địa bàn sinh sống, trong đời sống sản xuất và sinh hoạt hằng ngày, trong các mối quan hệ xã hội với những người xung quanh. Mặc dù phần lớn các tộc người sinh sống dọc đường biên là các tộc người có số dân ít ở phía Việt Nam nhưng lại là tộc người có số dân lớn của quốc gia ở bên kia biên giới, do đó các dân tộc thiểu số (DTTS) sinh sống ở vùng biên giới đất liền Việt Nam chịu ảnh hưởng mạnh mẽ về kinh tế, văn hóa, xã hội, chính trị của những người đồng tộc và các chính sách của Nhà nước ở nước láng giềng. Dọc biên giới, nhiều thành tố văn hóa tộc người đã bị mai một và biến đổi theo xu hướng “Kinh hóa” là chủ yếu, một phần là “Trung Quốc hóa” (Nguyễn Văn Minh chủ biên, 2021, tr.667). Từ đó, đặt ra các vấn đề về phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng văn hóa quốc gia, ý thức quốc gia, an ninh quốc gia, mốc giới quốc gia ở vùng biên giới đất liền Việt Nam, đặc biệt ở vùng biên giới phía Bắc, trong bối cảnh Trung Quốc thực hiện chiến lược tăng cường văn hóa xuyên biên giới (XBG), sử dụng văn hóa như một “quyền lực mềm” để lan tỏa sự ảnh hưởng của Trung Quốc và văn hóa Trung Quốc ra thế giới và các quốc gia láng giềng, trong đó có Việt Nam.

Trong những năm vừa qua, đã có một số nghiên cứu tìm hiểu về văn hóa của các cộng đồng dân cư vùng biên giới liên quan đến thực hành ngôn ngữ, phát triển văn hóa quốc gia, biến đổi văn hóa tộc người, ảnh hưởng của văn hóa Trung Quốc và gắn với phát triển bền vững. Các nghiên cứu này ít nhiều cũng đề cập đến tầm quan trọng của văn hóa trong phát triển kinh tế - xã hội và ổn định an ninh, chính trị vùng biên giới, chủ yếu là tập trung ở vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc. Tuy nhiên, vẫn còn thiếu vắng nghiên cứu phân tích, đánh giá một cách tổng thể văn hóa và các giá trị của văn hóa trong sự phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh, chính trị vùng biên giới đất liền của Việt Nam.

Dựa trên các tài liệu nghiên cứu đã được công bố và kết quả nghiên cứu thực địa ở một số địa phương vùng biên giới Việt Nam của tác giả³, bài viết này tổng hợp, phân tích và đánh

³ Tác giả đã thực hiện nhiều cuộc điền dã tại vùng biên giới thuộc các tỉnh Quảng Ninh, Cao Bằng, Lào Cai, Hà Giang, Thừa Thiên Huế, Quảng Nam, Kon Tum và An Giang.

giá một số vấn đề đặt ra với văn hóa trong phát triển ở vùng biên giới đất liền Việt Nam. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất một số khuyến nghị nhằm bảo tồn, phát triển và sử dụng văn hóa như một nguồn lực để phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ an ninh chính trị vùng biên giới.

1. Vai trò của văn hóa trong phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh, chính trị vùng biên giới

Văn hóa là một khái niệm đa chiều, được định nghĩa theo nhiều cách khác nhau dựa trên các góc nhìn và phương pháp tiếp cận riêng biệt. Theo Vương Xuân Tình (2014, tr.37), văn hóa có thể được hiểu qua các mô tả về bản chất của nó, như quá trình thừa kế xã hội, hệ thống giá trị, khả năng thích nghi với môi trường, sự hình thành thói quen, lối ứng xử, hoặc dựa trên cấu trúc và nguồn gốc của văn hóa. Trong bối cảnh nghiên cứu tại Việt Nam hiện nay, định nghĩa của UNESCO năm 2002 thường được sử dụng rộng rãi. Theo đó, văn hóa là “một tập hợp những đặc trưng về tâm hồn, vật chất, tri thức và xúc cảm của một xã hội hoặc một nhóm người trong xã hội, bao gồm không chỉ văn hóa nghệ thuật mà còn cách sống, phương thức chung sống, hệ thống giá trị, truyền thống và đức tin” (Vương Xuân Tình chủ biên, 2014; Nguyễn Thị Song Hà, 2021). Định nghĩa này nhấn mạnh tính toàn diện của văn hóa, bao hàm cả khía cạnh vật thể (như công cụ, kiến trúc...) và phi vật thể (như tín ngưỡng, ngôn ngữ, lễ hội...). Tuy nhiên, việc phân chia văn hóa thành hai dạng thức cơ bản - văn hóa vật thể và văn hóa phi vật thể - chỉ mang tính tương đối, do sự giao thoa và chuyển đổi giữa các yếu tố này trong thực tiễn (Vương Xuân Tình, 2014, tr.37).

Văn hóa đóng vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội tại các vùng biên giới. Nhiều nghiên cứu đã chỉ ra mối quan hệ chặt chẽ giữa các yếu tố văn hóa và sự phát triển bền vững ở các khu vực như Đông Bắc, Tây Bắc Việt Nam hay các vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc, Việt Nam - Lào và Việt Nam - Campuchia.

Đối với phát triển kinh tế, văn hóa là một nguồn lực quan trọng trong phát triển kinh tế vùng biên giới đất liền Việt Nam, thể hiện qua sự kết nối giữa bản sắc văn hóa tộc người và các hoạt động kinh tế - xã hội. Các nghiên cứu của Viện Dân tộc học từ năm 2010, như công trình của Phạm Quang Hoan (2011) về người Hmông vùng biên giới Việt Nam - Lào hay Vương Xuân Tình (Chủ biên, 2014) về văn hóa ba vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc, Lào, Campuchia chỉ ra rằng văn hóa tộc người - từ tri thức canh tác, lễ hội đến ngôn ngữ - không chỉ hỗ trợ sinh kế mà còn thúc đẩy thương mại XBG, khẳng định vai trò của văn hóa trong phát triển kinh tế. Nghiên cứu của Nguyễn Thị Phương Châm (2016) về cộng đồng Kinh tộc tại Kinh Đảo, Đông Hưng, Trung Quốc - một cộng đồng gốc Việt di cư từ thế kỷ XVI - cho thấy dù sống xa quê hương, họ vẫn duy trì các sinh hoạt văn hóa đặc trưng như tín ngưỡng, phong tục, tiếng Việt, đồng thời vay mượn yếu tố văn hóa từ các tộc người lân cận để làm phong phú đời sống. Sự bình thường hóa quan hệ Việt Nam - Trung Quốc và phát triển thương mại hai chiều đã thúc đẩy kết nối văn hóa, tín ngưỡng, hôn nhân giữa người Kinh ở Kinh Đảo và người Kinh tại Việt Nam, tạo nền tảng cho các hoạt động kinh tế XBG. Đặc biệt,

việc khôi phục lễ hội, tín ngưỡng và phong tục, với sự hỗ trợ của chính quyền địa phương và nhà tài trợ, đã biến các giá trị văn hóa thành động lực kinh tế trực tiếp, thu hút du khách và phát triển dịch vụ như đặc sản, quà lưu niệm, qua đó gia tăng thu nhập cho người dân.

Tại vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc, Turner (2010; 2012), Turner và cộng sự (2015) chỉ ra rằng các DTTS như người Hmông ở Lào Cai đã tận dụng văn hóa truyền thống để phát triển sinh kế qua thương mại XBG với các sản phẩm như vải dệt thủ công, buôn bán trâu và dược liệu. Đã có nhận định nhấn mạnh vai trò của tri thức và văn hóa địa phương trong việc thích nghi với thay đổi kinh tế: *“Cư dân vùng biên đang tiếp tục các chiến lược sinh kế linh hoạt khi có sự triển khai các dự án của Nhà nước. Tuy nhiên, các chiến lược đó không có mối liên hệ chính trị, thay vào đó bắt nguồn từ sự thay đổi địa hình và khí hậu, hiểu biết văn hóa địa phương về chất lượng vật nuôi. Đối lại, những khác biệt như vậy đã dẫn đến các cơ hội thương mại XBG mà đôi khi dường như trái ngược với cơ sở kinh tế, chẳng hạn như nhu cầu mua bán trâu XBG sôi động đồng thời ở cả hai phía”* (Turner, 2010, tr.286). Nguyễn Thị Tám và Trần Hồng Hạnh (2019) khẳng định văn hóa góp phần duy trì hệ thống canh tác truyền thống và nâng cao thu nhập từ nông nghiệp, buôn bán và lao động XBG tại Lào Cai - Vân Nam, đồng thời cố kết cộng đồng qua các mối quan hệ hôn nhân. Nguyễn Thị Phương Châm và Hoàng Cẩm (2023) đã phân tích việc các cộng đồng dân cư vùng biên giới phát triển các chiến lược thích ứng với bối cảnh mới sau bình thường hóa quan hệ giữa Việt Nam và Trung Quốc bằng việc tái cấu trúc các thực hành văn hóa (bao gồm các văn hóa sinh kế, thực hành tiêu dùng và các nghi lễ, lễ hội) theo hướng có lợi nhất cho công việc làm ăn và sinh sống của họ ở vùng biên giới. Đó là việc xây dựng các danh tính dân cư biên giới để có thêm công ăn việc làm, chuyển đổi hoạt động sinh kế, nâng cao thu nhập; phục hồi và phát triển các nghi lễ, lễ hội như là một chiến lược nâng cao vị thế và xây dựng “cột mốc văn hóa nơi biên giới”. Việc tái cấu trúc văn hóa của dân cư biên giới đã huy động được nguồn lực văn hóa cho phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương, nâng cao vị thế cộng đồng. Những mạng lưới xã hội đa chiều của các cộng đồng tộc người được xem như là một trong những nguồn vốn văn hóa sử dụng trong phát triển kinh tế, đặc biệt trong việc giao thương buôn bán trong nền kinh tế thị trường (Tạ Thị Tâm, 2022; Lê Minh Anh và Lê Thị Mùi đồng chủ biên, 2023; Nguyễn Công Thảo chủ biên, 2024).

Ở vùng biên giới Việt Nam - Lào tại tỉnh Quảng Trị, các tộc người thiểu số, thông qua các quan hệ đồng tộc XBG, đã tiến hành các hoạt động buôn bán nhỏ XBG, góp phần ổn định xã hội thông qua việc tăng thu nhập và hợp tác XBG (Lamijo, 2016). Nghiên cứu của Bùi Minh Hào (2022) cũng cho thấy vốn văn hóa đóng vai trò tích cực trong phát triển thị trường ở các lĩnh vực nông nghiệp, thủ công nghiệp, du lịch cộng đồng và nền kinh tế sức khỏe, góp phần vào tăng trưởng đời sống kinh tế cộng đồng, giúp xóa đói giảm nghèo, nâng cao đời sống của người dân.

Ở biên giới phía Nam, Taylor (2014) nghiên cứu người Khmer (Khơ-me) Nam Bộ, cho thấy các hoạt động kinh tế - xã hội của họ gắn chặt với văn hóa và môi trường sống, đồng thời

duy trì kết nối văn hóa với người Khmer ở Campuchia. Tại An Giang, Võ Duy Thanh (2022) chỉ ra rằng các hoạt động cộng đồng của tín đồ Hòa Hảo đã góp phần xây dựng cơ sở hạ tầng và nâng cao đời sống vùng biên giới, minh chứng cho vai trò của văn hóa tín ngưỡng trong phát triển kinh tế - xã hội.

Đối với ổn định xã hội và đảm bảo an ninh chính trị, văn hóa là chất kết dính để gắn kết xã hội, đóng vai trò quan trọng trong củng cố an ninh chính trị và quốc phòng, đặc biệt tại các vùng biên giới, nơi có sự giao thoa giữa các cộng đồng dân tộc và quan hệ XBG. Theo Lê Thị Thanh Nguyên (2023), các tập quán cư trú, canh tác và tổ chức xã hội của các DTTS góp phần định hình đường biên giới quốc gia, hỗ trợ bảo vệ lãnh thổ thông qua các đội tự quản và tri thức dân gian về địa hình, khí hậu. Các thiết chế xã hội phi quan phương, như luật tục và hương ước, tăng cường tính tự quản và giúp người dân tiếp cận pháp luật hiệu quả hơn, từ đó tham gia tích cực vào các hoạt động bảo vệ an ninh trật tự.

Tại vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc, Lý Cẩm Tú và Lý Hành Sơn (2023) nhận thấy văn hóa kết nối người dân với hệ thống chính trị cơ sở qua các sự kiện văn hóa, đồng thời nâng cao ý thức quốc gia thông qua ngôn ngữ và biểu tượng quốc gia. Vương Xuân Tình (Chủ biên, 2014) nhấn mạnh rằng văn hóa tộc người (lễ hội, tín ngưỡng) và văn hóa quốc gia (ngôn ngữ phổ thông, thiết chế văn hóa) có thể củng cố an ninh quốc phòng, nhưng mối quan hệ XBG cũng tiềm ẩn nguy cơ làm phai nhạt ý thức quốc gia và tạo điều kiện cho các hoạt động phi pháp. Phạm Quang Hoan và cộng sự (2011) trong nghiên cứu về dân tộc Hmông vùng biên giới Việt Nam - Lào khẳng định văn hóa là yếu tố then chốt trong việc giữ vững “phên dậu quốc gia”. Ở vùng biên giới Việt Nam - Campuchia, Taylor (2014) chỉ ra rằng dù người Khmer Nam Bộ duy trì kết nối văn hóa với Campuchia, họ vẫn coi một Nhà nước Việt Nam vững mạnh là lợi ích của mình, góp phần ổn định chính trị khu vực. Tuy nhiên, sự thiếu ghi nhận bản sắc văn hóa Khmer có thể gây ra những mâu thuẫn tiềm tàng.

2. Một số vấn đề đặt ra

Như đã phân tích ở trên, văn hóa đóng vai trò quan trọng trong sự phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh chính trị ở vùng biên giới đất liền Việt Nam, tuy nhiên trong đó cũng bộc lộ một số vấn đề đặt ra như sau:

Thứ nhất, sự giao lưu, tiếp biến văn hóa giữa các DTTS và người Kinh, giữa các tộc người ở Việt Nam với người đồng tộc ở bên kia biên giới có thể dẫn đến nguy cơ mai một bản sắc truyền thống khi các giá trị văn hóa bản địa bị ảnh hưởng bởi xu hướng thương mại hóa và du nhập từ bên ngoài. Quá trình cộng cư, giao lưu tiếp biến văn hóa của các DTTS và người Kinh, sự phát triển của văn hóa quốc gia ở vùng biên giới đã tạo nên sự biến đổi văn hóa mạnh mẽ của các DTTS theo chiều hướng đồng hóa với văn hóa của người Kinh. Nhiều yếu tố văn hóa truyền thống của các DTTS vùng biên giới đã bị mai một, ví dụ như nhà ở, trang phục, ẩm thực, ngôn ngữ, phong tục tập quán,... Quá trình đồng hóa này lại được thúc đẩy, hỗ

trợ bởi các phương tiện thông tin và truyền thông, khiến cho một bộ phận người DTTS, nhất là giới trẻ, coi văn hóa người Kinh như là một khuôn mẫu của sự phát triển, văn minh, đồng thời coi nhẹ văn hóa tộc người. Một bộ phận người DTTS đã không còn giữ được trang phục truyền thống dân tộc, chê bai những trang phục này đã lỗi thời. Lớp thanh niên trẻ ưa thích nhạc trẻ của người Kinh hơn là các bài hát dân tộc, coi những bài hát truyền thống của dân tộc là “*buồn, chỉ thích hợp với người già*” (Trần Hồng Thu, 2024).

Bên cạnh việc tiếp nhận, biến đổi văn hóa theo xu hướng “Kinh hóa”, một bộ phận DTTS ở vùng biên giới, do các mối quan hệ đồng tộc XBG về kinh tế, hôn nhân, văn hóa đã có sự tiếp nhận văn hóa của các đồng tộc ở bên kia biên giới, đặc biệt là ở vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc. Thông qua việc đi làm thuê, đi chợ, tham gia lễ hội trong các cuộc giao lưu thôn - bản kết nghĩa giữa hai bên biên giới Việt Nam - Trung Quốc, một bộ phận người DTTS đã du nhập các yếu tố văn hóa của Trung Quốc vào trong đời sống tộc người, thể hiện qua vật liệu xây dựng nhà cửa, kiến trúc nhà ở, trang phục, ẩm thực, âm nhạc... (Nguyễn Văn Minh chủ biên, 2021; Trần Thị Mai Lan chủ biên, 2023). Thậm chí, người có uy tín trong cộng đồng người Hmông sang bên kia biên giới để học tập hơn 300 bài cúng lễ của người đồng tộc, coi những bài cúng này mới là truyền thống của tộc người (Trần Hồng Thu, 2021). Sự phụ thuộc vào thị trường nước ngoài có thể khiến các cộng đồng vùng biên giới khó phát triển nền kinh tế bền vững, đặc biệt trong thời kỳ dịch bệnh COVID-19 và những khó khăn do thay đổi chính sách biên mậu thường xuyên của Trung Quốc, trong khi một số luồng văn hóa du nhập thiếu kiểm soát có thể ảnh hưởng đến bản sắc dân tộc (Trần Thị Mai Lan chủ biên, 2023).

Sự phát triển của du lịch ở các địa phương vùng biên giới, một mặt thúc đẩy kinh tế, văn hóa của địa phương đi lên, nhưng mặt khác cũng là yếu tố làm tăng cường sự biến đổi và mai một văn hóa của các tộc người sinh sống ở vùng biên giới. Nhiều yếu tố văn hóa ngoại lai được du nhập, biến tướng với mục đích phục vụ, thu hút sự chú ý trên các phương tiện truyền thông và du khách đã làm biến đổi văn hóa truyền thống tộc người. Nhiều du khách đi du lịch vùng biên giới có nhu cầu chụp ảnh với người địa phương đã cho tiền, cho quà người dân, làm cho một bộ phận người già không còn tập trung vào sản xuất, trẻ em bỏ học để đi theo các đoàn khách du lịch xin tiền, xin quà làm ảnh hưởng đến phát triển kinh tế, xã hội và văn hóa địa phương. Hiện nay, nhiều địa điểm tại Công viên địa chất toàn cầu Cao nguyên đá Đồng Văn đã phải cấm biển cảnh báo du khách không nên cho tiền, cho quà người già và trẻ em.

Sự phổ biến của tiếng Việt thông qua hệ thống giáo dục quốc gia hoặc các lớp xóa mù chữ ở các vùng biên giới đã nâng cao trình độ dân trí của người dân vùng biên giới, giúp họ tiếp cận với hệ thống thông tin và tri thức về chính sách, pháp luật, sản xuất kinh tế tốt hơn, giúp tăng cường sự quản trị của Nhà nước ở vùng biên giới. Nghiên cứu của Chu Thái Sơn (1985) đã chỉ ra rằng tiếng phổ thông ở vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc còn yếu thế so với tiếng tộc người và tiếng Quan Hỏa (một phương ngữ tiếng Hán), điều này ảnh hưởng tiêu cực đến sự phát triển kinh tế - xã hội và an ninh quốc gia. Ông đề xuất tăng cường yếu tố văn

hóa quốc gia thông qua giao lưu kinh tế, xã hội và văn hóa giữa vùng thấp và vùng cao, đồng thời tôn trọng và bảo tồn bản sắc văn hóa của các DTTS. Các nghiên cứu sau này, như của Vương Xuân Tình (Chủ biên, 2014), Nguyễn Thị Thanh Bình và Vương Xuân Tình (Đồng chủ biên, 2023), Trần Hồng Thu (Chủ biên, 2024) cho thấy sự thay đổi đáng kể trong việc sử dụng ngôn ngữ tại vùng biên giới. Tiếng phổ thông đã được các tộc người sử dụng thành thạo, trong khi tiếng Quan Hỏa dần thu hẹp phạm vi, chủ yếu tập trung ở người cao tuổi. Tuy nhiên, một vấn đề mới nảy sinh là sự mai một ngôn ngữ của các tộc người thiểu số, đặc biệt ở những nhóm có dân số ít, đặt ra thách thức cho việc bảo tồn bản sắc văn hóa trong bối cảnh hiện đại hóa. Tại hầu hết các địa phương vùng biên giới, kể cả những nơi mà một tộc người thiểu số chiếm tỷ lệ đa số trong thành phần dân cư như ở vùng biên giới tỉnh Quảng Nam, ông, bà, cha, mẹ trong giao tiếp với con cái chỉ sử dụng tiếng Việt chứ không sử dụng tiếng mẹ đẻ với mục đích để cho con cái học tập tốt hơn tại các nhà trường, dẫn đến nhiều trẻ em DTTS chỉ biết tiếng Việt mà không còn sử dụng được tiếng của tộc người mình nữa.

Thứ hai, văn hóa truyền thống của các DTTS ở vùng biên giới, dù là tài sản quý giá, đôi khi tạo ra rào cản cho sự phát triển kinh tế - xã hội như làm cho người dân chậm thích nghi với kinh tế thị trường, khó khăn trong tiếp cận các chính sách phát triển kinh tế do khác biệt về ngôn ngữ, tập quán và trình độ nhận thức tạo nên khoảng cách giữa văn hóa tộc người với chính sách của Nhà nước. Một số quan niệm tín ngưỡng và phong tục truyền thống trong sản xuất và đời sống có thể làm giảm hiệu quả lao động, khiến người dân mất nhiều thời gian và nguồn lực vào các nghi lễ.

Một số tộc người thiểu số cư trú ở vùng biên giới, đặc biệt là ở vùng biên giới Việt Nam - Lào, vẫn còn duy trì lối sống tự cung, tự cấp, dựa chủ yếu vào các hoạt động trồng trọt trên đất dốc, chăn nuôi quy mô nhỏ và khai thác tự nhiên. Họ gặp nhiều khó khăn trong quá trình chuyển đổi cơ cấu kinh tế để thích nghi với kinh tế thị trường. Người Cơ-tu và Giẻ-Triêng ở vùng biên giới Việt Nam - Lào là một ví dụ. Do sống dựa vào trồng trọt và tự nhiên cùng với tập quán chia sẻ trong cộng đồng, các tộc người này gặp nhiều khó khăn khi áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào trong sản xuất, kém thích nghi với các hoạt động trao đổi trong cộng đồng. Họ nảy sinh tư tưởng bài xích đối với các hộ gia đình người đồng tộc mở cửa hàng kinh doanh buôn bán ở trong làng, khi có tiền thì họ đi mua ở quán người Kinh, khi không có tiền muốn mua chịu thì họ mua ở quán của người đồng tộc. Thêm vào đó, các mối quan hệ dòng họ và cộng đồng mạnh mẽ ở vùng biên giới tuy giúp duy trì bản sắc văn hóa, nhưng đôi khi cũng tạo ra áp lực trong việc chia sẻ tài sản, làm giảm động lực tích lũy vốn và phát triển kinh tế cá nhân. Một số người còn có tâm lý dựa dẫm vào trợ cấp của Nhà nước, thiếu tinh thần tự lực vươn lên (Trần Hồng Thu và cộng sự, 2024).

Những rào cản về ngôn ngữ, trình độ nhận thức cũng khiến cho một bộ phận người dân sinh sống ở vùng biên giới gặp khó khăn trong sử dụng các nguồn lực hỗ trợ của Nhà nước qua các chính sách phát triển để phát triển kinh tế hộ gia đình. Thay vì áp dụng các tiến bộ

khoa học kỹ thuật, người dân vẫn áp dụng các tri thức địa phương vào trong sản xuất đối với các loại giống mới dẫn đến năng suất thấp, hiệu quả kinh tế không đạt được như kỳ vọng. Điều này khiến việc triển khai các dự án cơ sở hạ tầng hoặc chương trình xóa đói giảm nghèo gặp khó khăn, dẫn đến chênh lệch phát triển giữa các khu vực (Trần Hồng Thu và cộng sự, 2024). Bên cạnh đó, các chính sách phát triển được áp dụng ở vùng biên giới thường là chính sách được xây dựng từ trên xuống, áp dụng cho nhiều khu vực, thường xuyên định hình lại các chiến lược sinh kế của tộc người nhưng chưa chú ý đến các đặc trưng văn hóa tộc người ở vùng biên giới. Từ đó tạo nên khoảng cách giữa chính sách của Nhà nước với văn hóa tộc người, khiến cho người dân phản ứng lại với chính sách và dẫn đến các hạn chế của chính sách (Turner và cộng sự, 2015; Trần Hồng Thu và cộng sự, 2024).

Một số nghi lễ trong chu kỳ đời người như hôn nhân, tang ma, nghi lễ cúng bái và kiêng kỵ của các tộc người vùng biên giới đôi khi còn gây tốn kém về tiền bạc và thời gian, ảnh hưởng đến khả năng tích lũy nguồn lực cho phát triển và hiệu quả sản xuất. Một số ví dụ như các nghi lễ tang ma, cúng ma bò, ma lợn ở người Hmông; phong tục đòi của trong hôn nhân và chia của trong tang ma, nghi lễ ăn trâu của các dân tộc vùng Trường Sơn - Tây Nguyên...

Thứ ba, văn hóa mặc dù đóng vai trò là chất gắn kết, ổn định xã hội và góp phần củng cố an ninh chính trị và quốc phòng vùng biên giới đất liền Việt Nam, song cũng là chất xúc tác tạo nên những bất ổn về xã hội, tiềm ẩn những nguy cơ gây mất an ninh chính trị, gia tăng tệ nạn xã hội vùng biên giới. Lê Thị Thanh Nguyên (2023) cho rằng tập quán cư trú phân tán, rải rác, thiết chế xã hội khép kín của các tộc người vùng biên giới gây khó khăn cho các cơ quan chức năng khi triển khai các hoạt động quốc phòng - an ninh, khi người dân bao che cho đối tượng vi phạm pháp luật là anh em, họ hàng, láng giềng. Các tập tục du canh, du cư, sử dụng súng, vật liệu nổ, các hủ tục trong đời sống, sự lợi dụng của các đối tượng xấu, sự biến đổi của tín ngưỡng truyền thống, quan hệ dân tộc XBG cũng tạo nên những tác động xấu tới đảm bảo an ninh, quốc phòng. Nhiều nghiên cứu cũng chỉ ra rằng, văn hóa các tộc người vùng biên giới cũng tạo điều kiện cho một số hoạt động phi pháp và tệ nạn xã hội phát triển, thúc đẩy cố kết tộc người XBG, phai nhạt ý thức quốc gia dân tộc của một bộ phận dân cư. Sự giao thoa văn hóa với các nước láng giềng, nếu không được quản lý tốt, có thể bị lợi dụng để truyền bá tư tưởng cực đoan hoặc kích động ly khai, đe dọa chủ quyền quốc gia (Vương Xuân Tình chủ biên, 2014; Nguyễn Thị Tám và Trần Hồng Hạnh, 2019; Nguyễn Thị Thanh Bình và Vương Xuân Tình đồng chủ biên, 2023; Trần Hồng Thu chủ biên, 2024).

3. Một số khuyến nghị giải pháp

Văn hóa là một phần quan trọng của bản sắc dân tộc, đặc biệt tại các khu vực biên giới đất liền, nơi có sự giao thoa giữa nhiều cộng đồng DTTS. Việc phát huy giá trị của văn hóa không chỉ góp phần bảo tồn bản sắc dân tộc mà còn thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh chính trị. Để làm được điều này, cần triển khai một số giải pháp quan trọng, trong đó có việc gắn kết phát triển văn hóa với các mục tiêu kinh tế, an ninh và hội nhập khu vực.

Thứ nhất, tiếp tục triển khai thực hiện một cách có hiệu quả các chủ trương, chính sách về bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa của Đảng và Nhà nước tại các vùng biên giới, đặc biệt là *Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2030* và Dự án 6 “Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch” thuộc *Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030; Giai đoạn 1 từ năm 2021-2025*. Cần tiến hành nghiên cứu, sưu tầm và tư liệu hóa các di sản văn hóa vật thể và phi vật thể, bao gồm ngôn ngữ, lễ hội, nghệ thuật, ẩm thực và phong tục tập quán. Việc này không chỉ giúp lưu giữ những giá trị văn hóa độc đáo mà còn tạo cơ sở để phát triển các sản phẩm du lịch văn hóa. Đồng thời, cần hỗ trợ phục hồi các di sản đang có nguy cơ mai một, như đền chùa, lễ hội truyền thống và các nghề thủ công, để đảm bảo sự kế thừa và phát triển bền vững. Bên cạnh đó, xây dựng các trung tâm văn hóa cộng đồng tại địa phương nhằm tạo điều kiện cho người dân, đặc biệt là thế hệ trẻ, tiếp cận, học hỏi và duy trì các giá trị văn hóa của mình. Đây là nền tảng để văn hóa không chỉ được bảo tồn mà còn trở thành động lực phát triển bền vững. Xây dựng cơ sở dữ liệu số về di sản văn hóa các DTTS, ứng dụng công nghệ số trong quảng bá và phục dựng văn hóa truyền thống sẽ giúp lan tỏa giá trị văn hóa một cách bền vững. Các nền tảng trực tuyến và mạng xã hội có thể được sử dụng để phổ biến thông tin, thúc đẩy giao lưu giữa các cộng đồng dân tộc, đồng thời tạo ra cơ hội kinh doanh và phát triển sản phẩm văn hóa thông qua thương mại điện tử.

Thứ hai, thúc đẩy sự phát triển của du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng, du lịch văn hóa ở vùng biên giới để tạo việc làm và gia tăng thu nhập cho các cộng đồng dân cư. Cần xây dựng các sản phẩm du lịch độc đáo, kết hợp trải nghiệm văn hóa như tham gia lễ hội, học nghề thủ công và thưởng thức ẩm thực đặc sản. Nhà nước nên có các chính sách khuyến khích doanh nghiệp tham gia bảo tồn và phát triển sản phẩm văn hóa đặc trưng, đồng thời hỗ trợ đào tạo kỹ năng quản lý, kinh doanh cho đồng bào DTTS nhằm nâng cao năng lực phát triển kinh tế bền vững. Việc xây dựng các chợ phiên, làng nghề và trung tâm trưng bày sản phẩm văn hóa cũng giúp gia tăng thu nhập và tạo điều kiện cho cộng đồng phát triển kinh tế dựa trên giá trị văn hóa riêng biệt. Ngoài ra, cần tăng cường quảng bá du lịch văn hóa vùng biên giới thông qua các kênh truyền thông trong và ngoài nước để thu hút khách du lịch.

Thứ ba, tăng cường giáo dục và nâng cao nhận thức về vai trò của văn hóa trong phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh chính trị thông qua các chiến dịch tuyên truyền trong cộng đồng dân cư và giáo dục về văn hóa dân tộc và ý thức bảo vệ an ninh biên giới trong chương trình học tại các trường ở vùng biên giới. Điều này sẽ giúp các cộng đồng dân cư và thế hệ trẻ hiểu rõ giá trị của văn hóa tộc người và trách nhiệm với quê hương. Có chính sách đầu tư phát triển hạ tầng truyền thông cho vùng biên giới, bắt kịp với công nghệ truyền thông đang chuyển đổi một cách nhanh chóng để có thể sản xuất được các chương trình truyền

thông đạt chất lượng kỹ thuật, đồng thời cũng quản lý các hoạt động truyền thông không mong muốn xâm nhập vào vùng biên giới.

Kết luận

Văn hóa đóng vai trò quan trọng trong sự phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh chính trị tại vùng biên giới đất liền Việt Nam. Đây là khu vực có sự giao thoa văn hóa mạnh mẽ giữa các DTTS với người Kinh, cũng như với các tộc người ở bên kia biên giới. Văn hóa không chỉ giúp gắn kết cộng đồng, củng cố ý thức quốc gia, mà còn tạo ra các cơ hội phát triển kinh tế thông qua du lịch, thương mại và các ngành nghề truyền thống. Tuy nhiên, vùng biên giới cũng đối mặt với nhiều thách thức như sự mai một bản sắc văn hóa do ảnh hưởng của quá trình “Kinh hóa” và “Trung Quốc hóa”, cũng như sự phụ thuộc vào thị trường nước ngoài. Các tập quán canh tác truyền thống và hạn chế về trình độ nhận thức khiến một bộ phận dân cư gặp khó khăn trong hội nhập kinh tế. Bên cạnh đó, những biến đổi trong cấu trúc xã hội và tác động của truyền thông hiện đại cũng đang làm thay đổi sâu sắc đời sống văn hóa ở khu vực này.

Để bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa tại vùng biên giới, cần có các chính sách phù hợp nhằm hỗ trợ cộng đồng địa phương gìn giữ bản sắc văn hóa, đồng thời nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của văn hóa đối với sự phát triển bền vững. Cần thúc đẩy giáo dục song ngữ để giúp thế hệ trẻ duy trì ngôn ngữ dân tộc, song song với việc tiếp thu tri thức mới. Ngoài ra, ứng dụng công nghệ số trong bảo tồn và quảng bá văn hóa cũng là một giải pháp hiệu quả, giúp lan tỏa giá trị văn hóa đến cộng đồng rộng lớn hơn. Chính quyền địa phương cũng cần có những biện pháp khuyến khích phát triển kinh tế bền vững, dựa trên lợi thế văn hóa bản địa để tạo ra sinh kế ổn định cho người dân. Việc phát triển văn hóa tại vùng biên giới không chỉ nhằm mục tiêu bảo tồn di sản mà còn góp phần quan trọng vào sự ổn định chính trị và phát triển kinh tế - xã hội. Khi văn hóa được bảo vệ và phát huy đúng cách, nó sẽ trở thành nguồn lực nội sinh, thúc đẩy sự thịnh vượng của cộng đồng địa phương và giúp củng cố vững chắc chủ quyền quốc gia.

Tài liệu tham khảo

1. Lê Minh Anh, Lê Thị Mùi (Đồng chủ biên, 2023), *Mạng lưới xã hội của một số tộc người trong phát triển kinh tế - xã hội vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
2. Nguyễn Thị Thanh Bình, Vương Xuân Tình (Đồng chủ biên, 2023), *Ý thức quốc gia - dân tộc ở các tộc người vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
3. Nguyễn Thị Phương Châm (2016), *Văn hóa cộng đồng Kinh tộc ở Kinh Đảo (Đông Hưng, Quảng Tây, Trung Quốc)*, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội.

4. Nguyễn Thị Phương Châm, Hoàng Cầm (2023), *Tái cấu trúc văn hóa của dân cư vùng biên trong bối cảnh phát triển thương mại Việt Nam - Trung Quốc*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
5. Nguyễn Thị Song Hà (Chủ biên, 2021), *Biến đổi văn hóa các dân tộc thiểu số ở Việt Nam từ Đổi mới đất nước đến nay*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
6. Bùi Minh Hào (2022), *Vốn văn hóa trong phát triển kinh tế thị trường vùng dân tộc thiểu số*, Nxb. Đại học Vinh, Nghệ An.
7. Phạm Quang Hoan và cộng sự (2011), *Nghiên cứu dân tộc Hmông vùng biên giới Việt - Lào*, Báo cáo tổng hợp Đề tài khoa học cấp Bộ, Thư viện Viện Dân tộc học.
8. Lamijo, L. (2016), *The Development of Border Regions in Southeast Asia: Cross-border Trade in the Vietnam - Lao PDR Border Areas*, Luận văn thạc sĩ Đại học Quốc gia Australia.
9. Trần Thị Mai Lan (Chủ biên, 2023), *Văn hóa của người Nùng và người Hmông trong mối quan hệ tộc người liên biên giới Việt Nam - Trung Quốc*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
10. Nguyễn Văn Minh (Chủ biên, 2021), *Bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống của các dân tộc thiểu số phục vụ phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Hà Giang*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
11. Lê Thị Thanh Nguyên (2023), “Văn hóa tộc người các dân tộc thiểu số và vấn đề tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh ở khu vực biên giới của Việt Nam hiện nay”, trong Viện Dân tộc học: *Văn hóa tộc người trong xây dựng cộng đồng quốc gia - dân tộc Việt Nam hiện nay* (Kỷ yếu Hội nghị Dân tộc học quốc gia năm 2022), Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
12. Chu Thái Sơn (1985), “Tăng cường yếu tố văn hóa quốc gia các tỉnh vùng cao biên giới phía Bắc”, *Tạp chí Dân tộc học*, số 1, tr. 58-62.
13. Nguyễn Thị Tám, Trần Hồng Hạnh (2019), “Vai trò của văn hóa ở vùng biên giới Lào Cai - Vân Nam”, trong Viện Dân tộc học: *Một số vấn đề về tộc người và chính sách dân tộc ở nước ta hiện nay* (Kỷ yếu Hội nghị Dân tộc học quốc gia năm 2018), Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
14. Taylor, P. (2014), *The Khmer lands of Vietnam: Environment, cosmology and sovereignty*, NUS Press.
15. Tạ Thị Tâm (2022), *Những năng động kinh tế - xã hội ở vùng biên giới Việt - Trung từ năm 1990 đến nay*, Nxb. Đại học Quốc gia, Hà Nội.
16. Vo Duy Thanh (2022), “The Great Unity Hòa Hảo Buddhist Charity and Social Solidarity in the Borderland”, *Journal of Vietnamese Studies*, 17 (4), pp. 18-54.
17. Nguyễn Công Thảo (Chủ biên, 2024), *Quá trình thương mại hóa lâm sản ở vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.

18. Trần Hồng Thu (2021), *Belonging in the Karst Mountains: Hmong Ways of Life on Dong Van Karst Plateau, Vietnam*, Luận án tiến sĩ tại Đại học Quốc gia Australia.
19. Trần Hồng Thu (Chủ biên, 2024), *Truyền thông và ý thức quốc gia của một số tộc người ở vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
21. Trần Hồng Thu và cộng sự (2024), *Nghiên cứu chính sách phát triển kinh tế cho một số tộc người ở vùng biên giới Việt Nam - Lào tại tỉnh Quảng Nam*, Báo cáo tổng hợp Đề tài khoa học cấp Bộ, Thư viện Viện Dân tộc học.
22. Vương Xuân Tình (Chủ biên, 2014), *Văn hóa với phát triển bền vững ở vùng biên giới Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
23. Lý Cẩm Tú, Lý Hành Sơn (2023), “Văn hóa trong quan hệ tộc người với quốc gia - dân tộc ở vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc hiện nay”, trong Viện Dân tộc học: *Văn hóa tộc người trong xây dựng cộng đồng quốc gia - dân tộc Việt Nam hiện nay* (Kỷ yếu Hội nghị Dân tộc học quốc gia năm 2022), Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
24. Turner, S. (2012), “Making a living the Hmong way: an actor-oriented livelihoods approach to everyday politics and resistance in upland Vietnam”, *Annals of the Association of American Geographers*, 102 (2), pp. 403-422.
26. Turner, S. (2010), “Borderlands and border narratives: a longitudinal study of challenges and opportunities for local traders shaped by the Sino-Vietnamese border”, *Journal of Global History*, 5 (2), pp. 265-287.
27. Turner, S., Bonnín, C., & Michaud, J. (2015), *Frontier livelihoods: Hmong in the Sino-Vietnamese borderlands*, University of Washington Press.